

**CÔNG TY TNHH SDL HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SDL HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SDL HA NOI COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SDL HA NOI CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109153043

**3. Ngày thành lập:** 07/04/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 29, Ngõ 113 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1030        |
| 2.  | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất giấy vệ sinh cá nhân và giấy dùng trong gia đình và sản phẩm chèn lót bằng xenlulo như:<br>+ Giấy ăn, giấy lau chùi,<br>+ Băng vệ sinh và khăn lau vệ sinh, tã giấy cho trẻ sơ sinh,<br>- Sản xuất các đồ dệt chèn lót và sản phẩm chèn lót như: Giấy vệ sinh, băng vệ sinh; | 1709        |
| 3.  | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2013        |
| 4.  | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2022        |
| 5.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2220        |
| 6.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4632        |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn chế phẩm vệ sinh: Xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi, khăn giấy, tã giấy, giấy vệ sinh...                                                                                                                                                                                          | 4649(Chính) |
| 8.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ vàng và các kim loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4662        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, vécni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                    | 4663 |
| 10. | Bán buôn tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào.<br>(Trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4690 |
| 11. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4711 |
| 12. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)<br>- Bán lẻ nhiều loại hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cửa hàng bách hóa (trừ siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi), bán nhiều loại hàng hóa: Quần áo, giày dép, đồ dùng gia đình, hàng ngũ kim, lương thực, thực phẩm, trong đó lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng nhỏ hơn các mặt hàng khác                                              | 4719 |
| 13. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4722 |
| 14. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 15. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ vật phẩm vệ sinh: Nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4772 |
| 16. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4781 |

|     |                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ vật phẩm vệ sinh: Nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm...<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                       | 4789 |
| 18. | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành                                                                                                                                                                           | 4921 |
| 19. | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh                                                                                                                                                  | 4922 |
| 20. | Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe buýt để đưa đón công nhân, học sinh theo lịch trình, giờ cố định, các điểm đỗ cố định để đón, trả khách.                           | 4929 |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                       | 4931 |
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; | 4932 |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                            | 4933 |
| 24. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                                                     | 5610 |
| 25. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng<br>(Trừ suất ăn ngành hàng không)                                                                                                                | 5621 |
| 26. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết:<br>- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.<br>- Cung cấp suất ăn theo hợp đồng.                                                         | 5629 |
| 27. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Trừ kinh doanh quán bar, vũ trường)                                                                                                                                                           | 5630 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức          | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ THU HẰNG | B11+12 Tổ 122 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | 1.000.000.000         | 66,667    | 001178001901                                                                                                                                      |         |
| 2   | ĐẶNG QUANG BÌNH     | Số 6A, Ngách 40/16 Chính Kinh, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 500.000.000           | 33,333    | 033070001147                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU HẰNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/08/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001178001901

Ngày cấp: 16/07/2014

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: B11+12 Tổ 122 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: B11+12 Tổ 122 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội